

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Minh

2. Ông Triệu Kiên Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/6/2021; đơn bổ sung ngày 20/10/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày: Bà và ông Lưu Văn Đ kết hôn ngày 08/12/1991, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L. Kết hôn xong, bà về sống chung cùng gia đình ông Đ được một năm thì vợ chồng được gia đình cho đất, làm nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên ra ngoài uống rượu, về

nhà đánh, chửi bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Đến năm 2019, bà ly thân ông Đ, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay, vợ chồng có hòa giải, dàn xếp nhưng không thành. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

Con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Lưu Văn D, sinh ngày 19/8/1993 và Lưu Văn D1, sinh ngày 16/7/2004. Hiện nay cháu D đã trưởng thành bà không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu D1 đang ở cùng bà. Ly hôn, bà xin nuôi cháu D1 và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà L không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn là ông Lưu Văn Đ quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại UBND xã L và đến làm việc tại nhà ông Đ ở thôn D, xã L, huyện L, tỉnh V xác định: Hiện tại ông Đ đang sinh sống tại thôn D, xã L; ông Đ từ chối làm việc và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như từ chối ký vào các biên bản tổng đạt của Tòa án, với lý do việc ly hôn là của bà L, không liên quan gì đến ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của bà L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Ông Lưu Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho bà L được ly hôn ông Đ. Về con chung: giao cho bà L nuôi con chung, ông Đ không phải đóng góp nuôi con chung cùng bà L. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn trong vụ án là ông Lưu Văn Đ có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn ông Lưu Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là ông Lưu Văn Đ nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Lưu Văn Đ là cuộc hôn nhân tiền bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, về nhà chửi bới, đánh đập bà Liên và vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà L xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị được ly hôn ông Đ.

Xét tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Đ đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2019 cho đến nay nên làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc bà L xin ly hôn nhưng ông Đ cố tình vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã trực tiếp đến tại nhà ông Đ để làm việc để ông được trình bày quan điểm, ý kiến của mình về việc bà L xin ly hôn ông, nhưng ông Đ tỏ thái độ không hợp tác. Như vậy phần nào thể hiện ông Đ không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của bà L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lưu Văn D1, sinh ngày 16/7/2004, không yêu cầu ông Đ phải đóng góp nuôi con chung cùng của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, ông Đ không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có quan điểm của ông về con chung và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Do vậy, cần giao cho bà L trực tiếp nuôi cháu D, ông Đ không phải đóng góp nuôi con chung cùng bà L.

Đối với cháu Lưu Văn D, sinh ngày 19/8/1993 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Đ không có mặt nên không có quan điểm và đề nghị của ông về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào ông Đ đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Lưu Văn Đ.

2. Xử về con chung: Giao cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lưu Văn D1, sinh ngày 16/7/2004. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006050 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga